

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG XANH TẠI VIỆT NAM

Factors affecting green banking development in Vietnam

NGUYỄN DANH NAM
UÔNG THỊ NGỌC LAN

*N*ghiên cứu xem xét các yếu tố tác động đến phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam thông qua việc sử dụng bảng câu hỏi phỏng vấn kết hợp với khảo sát sâu đối với cán bộ nhân viên tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Kết quả cho thấy, sự phát triển ngân hàng xanh chịu tác động nhiều nhất bởi yếu tố “chính sách của Nhà nước” và tác động thấp nhất là yếu tố “nguồn lực tài chính của ngân hàng”. Từ đó, đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao mức độ phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: ngân hàng xanh, phát triển, Việt Nam.

This study aims to examine which factors affecting on the development of green banking in Vietnam. The research used in-depth interviews and survey questionnaires with employees at commercial banks in Vietnam. The results show that the development of green banking is most affected by the “Government’s policies” factor, and the lowest is affected by the “Financial resources of the bank” factor. Based on findings, several implications were proposed to improve the level of green banking development in Vietnam in the coming time.

Keywords: green banking, develop, Vietnam.

1. Giới thiệu

Nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu cùng với khủng hoảng môi trường đã đặt ra câu hỏi về việc làm thế nào để đạt được sự phát triển bền vững trong các tổ chức, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng vì đây là nguồn lực tài chính quan trọng của nền kinh tế. Tuy nhiên, các ngân hàng có xu hướng tập trung vào lợi nhuận mà bỏ qua lợi ích của môi trường, điều này khiến lĩnh vực ngân hàng khó có thể duy trì sự phát triển bền vững. Qua nhiều cuộc thảo luận, ngân hàng xanh được đánh giá là mô hình hiệu quả, cân bằng giữa lợi nhuận với môi trường xã hội. Ngày nay, duy trì sự phát triển bền

vững theo mô hình ngân hàng xanh đang dần trở thành xu hướng chung của nhiều quốc gia trên thế giới. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, các tổ chức tài chính đã thừa nhận tầm quan trọng của ngân hàng xanh đối với tăng trưởng bền vững.

Việt Nam được đánh giá là một trong số các nền kinh tế mới nổi, nhận thức của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam về quản lý rủi ro môi trường còn hạn chế, chưa phát triển. Hoạt động ngân hàng xanh mới chỉ

Nguyễn Danh Nam, TS., Trường đại học Công nghệ Đông Á; Uông Thị Ngọc Lan, Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

được triển khai ở một số ít tổ chức tài chính, hiếm có ngân hàng nào thực hiện đầy đủ mô hình này. Hầu hết các nghiên cứu trước đây thực hiện về ngân hàng xanh chỉ tổng hợp kinh nghiệm của các nước, triển khai các dịch vụ và hoạt động xanh trong ngân hàng hoặc các chương trình ngắn hạn; nhưng các biện pháp thực hiện dài hạn và các yếu tố quyết định việc phát triển ngân hàng xanh tại hệ thống ngân hàng ở Việt Nam vẫn chưa được cụ thể hóa. Do đó, nghiên cứu về phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam vẫn còn là một lĩnh vực mới, nhiều khoảng trống cho các nghiên cứu về lý thuyết và thực tiễn. Vì vậy, việc thực hiện nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam là thực sự cần thiết giúp Chính phủ, các nhà hoạch định chính sách, các ngân hàng, tổ chức tài chính, người dân hiểu rõ lợi ích của ngân hàng xanh đến sự phát triển ổn định, bền vững của ngành ngân hàng và nền kinh tế.

2. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Ngân hàng xanh

Mục đích chính của ngân hàng xanh là bảo vệ môi trường (Lalon, 2015). Một ngân hàng được coi là ngân hàng xanh khi có những định hướng chiến lược hoạt động liên quan tới bảo vệ tài nguyên môi trường (Drobnjakovic, 2013).

Vũ Xuân Nguyệt Hồng (2013) nhận định “ngân hàng xanh là các hoạt động, nghiệp vụ của hệ thống ngân hàng nhằm khuyến khích các hoạt động vì môi trường và giảm phát thải cacbon”. Có hai cách tiếp cận về khái niệm ngân hàng xanh: (i) dựa theo mục tiêu dài hạn liên quan tới định hướng phát triển theo yêu cầu về xã hội, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên môi trường; (ii) dựa theo

mục tiêu ngắn hạn liên quan tới các hoạt động kinh doanh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ xanh tại ngân hàng (Ngô Anh Phương, 2021).

Trong nghiên cứu này, ngân hàng xanh được định nghĩa là ngân hàng phát triển bền vững trong đó các quyết định đầu tư cần nhìn vào một cách tổng thể và hành động một cách có lợi cho người tiêu dùng, kinh tế, xã hội và môi trường.

2.1.2. Phát triển ngân hàng xanh

Kaeufer (2010) đã cho thấy xu hướng của phát triển ngân hàng xanh là sự kết hợp giữa trách nhiệm xã hội và các hoạt động tài chính xanh.

Ngô Anh Phương (2021) cho rằng “phát triển ngân hàng xanh là quá trình tăng cường việc áp dụng, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, hoạt động, tiêu chuẩn theo tiêu chí xanh trong ngân hàng để hướng tới chiến lược hoạt động, đầu tư, tài chính xanh của ngân hàng”.

Hiện nay, chưa có khái niệm thống nhất về ngân hàng xanh do đó rất khó đưa ra cách đánh giá toàn diện về sự phát triển ngân hàng xanh tại bất kỳ quốc gia nào. Kaeufer (2010) đã đưa ra năm cấp độ để đánh giá sự phát triển của ngân hàng xanh bao gồm: (1) thực hiện các hoạt động kinh doanh không tập trung; (2) tách bạch các hoạt động kinh doanh, phát triển dự án; (3) hoạt động kinh doanh có hệ thống; (4) sáng kiến cân bằng hệ sinh thái tầm chiến lược; (5) sáng kiến cân bằng hệ sinh thái chủ động.

2.2. Giả thuyết nghiên cứu

2.2.1. Chính sách của Nhà nước

Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của ngân hàng xanh (Hoen, 2014). Áp lực từ phía các cơ quan quản lý, các yêu cầu

về môi trường, quy định bắt buộc về mặt thể chế là những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của ngân hàng xanh (Mehedi và Kuddus, 2017). Do đó, sự đồng thuận của các chính sách sẽ tạo đà cho việc phát triển ngân hàng xanh.

H₁: Chính sách của Nhà nước tác động tích cực tới phát triển ngân hàng xanh.

2.2.2. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất, các đặc tính về mặt kỹ thuật và mọi nguồn lực cần được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng để đáp ứng được yêu cầu một công nghệ mới (Zhou, 2011). Nghiên cứu của Afshan và Sharif (2016) đã chứng minh có mối tương quan thuận chiều trong việc chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở kỹ thuật đối với việc ứng dụng các công nghệ xanh. Chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất kỹ thuật sẽ tạo ra lợi thế cho việc phát triển ngân hàng xanh.

H₂: Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật tác động tích cực tới phát triển ngân hàng xanh.

2.2.3. Sự quan tâm đến môi trường

Gomez và Scholtz (2016) kết luận rằng có mối tương quan tích cực về sự quan tâm đến môi trường tới việc sử dụng các công nghệ trong việc bảo vệ tính bền vững của tài nguyên môi trường. Các ngân hàng đều nhất trí ủng hộ việc phát triển bền vững trong kinh doanh và mong muốn có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội (Nisha, 2016). Sự quan tâm tới môi trường là những nhận thức tích cực dẫn đến việc chú trọng hơn trong những hành vi liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường của ngân hàng.

H₃: Sự quan tâm đến môi trường tác động tích cực tới phát triển ngân hàng xanh.

2.2.4. Nền kinh tế vĩ mô

Thu nhập bình quân đầu người, lãi suất danh nghĩa dài hạn, giá dầu thô quốc tế, giá ưu đãi năng lượng sạch, cơ chế định giá

cácbon, sự gia tăng dân số là những yếu tố có tác động tới tăng trưởng kinh tế và là tiền đề đẩy mạnh đầu tư xanh thông qua một hệ thống tài chính ngân hàng vững chắc (Eyraud và cộng sự, 2013). Do đó, nền kinh tế vĩ mô có tác động mạnh mẽ trong việc thực hiện hoạt động đầu tư xanh và phát triển ngân hàng xanh.

H₄: Nền kinh tế vĩ mô tác động tích cực tới phát triển ngân hàng xanh.

2.2.5. Nhận thức của lãnh đạo

Nhận thức của lãnh đạo có ảnh hưởng rất lớn tới việc lập kế hoạch và xây dựng chiến lược đối với phát triển ngân hàng xanh (Masukujjaman, 2016). Sự chậm trễ trong nhận thức của lãnh đạo sẽ khiến ngân hàng bỏ lỡ cơ hội, đánh mất lợi ích và làm giảm quá trình phát triển ngân hàng xanh (Uddin và Ahmmed, 2018). Sự quan tâm của lãnh đạo đối với ngân hàng xanh sẽ là nhân tố thúc đẩy quá trình chuyển đổi ngân hàng truyền thống.

H₅: Nhận thức của lãnh đạo tác động tích cực tới phát triển ngân hàng xanh.

2.2.6. Nhận thức và trình độ của nhân viên

Sự thiếu nhận thức của nhân viên và khách hàng về ngân hàng xanh là một bất cập lớn trong việc triển khai ngân hàng xanh (Sharma và cộng sự, 2014). Sự thiếu hụt về nhân lực có kiến thức chuyên môn, chưa có đủ khả năng đánh giá rủi ro tín dụng từ các dự án xanh, các hoạt động liên quan tới công nghệ xanh và đánh giá các khoản đầu tư, cho vay liên quan tới môi trường có tác động tiêu cực đến phát triển ngân hàng xanh (Ngô Anh Phương, 2021). Do vậy, nhận thức của nhân viên về lợi ích của ngân hàng xanh đến giảm thiểu các tác động lên môi trường và trách nhiệm đối với xã hội, cùng với việc bổ sung các kiến thức chuyên môn về ngân hàng xanh cho nhân

viên sẽ thúc đẩy sự phát triển ngân hàng xanh một cách nhanh hơn.

H₆: Nhận thức và trình độ của nhân viên tác động tích cực tới phát triển ngân hàng xanh.

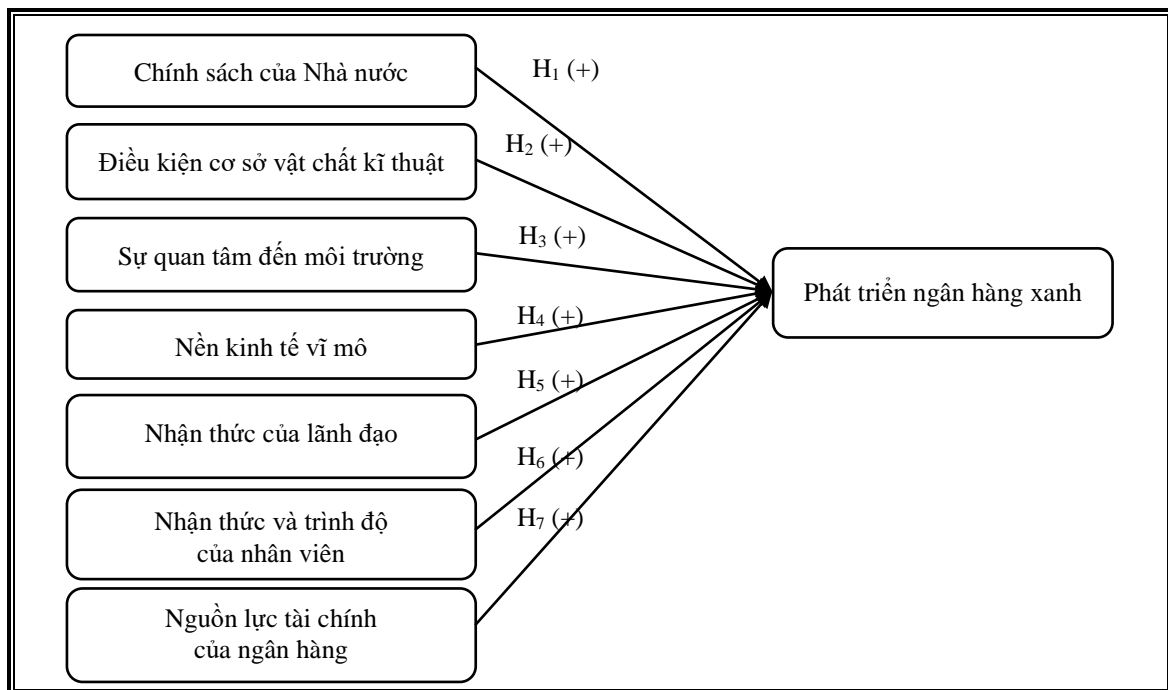
2.2.7. Nguồn lực tài chính của ngân hàng

Quy mô và nguồn lực tài chính của ngân hàng là yếu tố quan trọng giúp ngân hàng xác định phương hướng trong tương lai, từ đó hoạch định các bước phát triển tài chính xanh (Barner và Han, 2013). Tại các nước đang phát triển, thị trường vốn còn chưa phát triển mạnh, các chế tài về tài chính còn yếu, phần lớn các ngân hàng thiếu khả năng tài

chính để cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính xanh, ngoài ra việc thiếu vốn, thiếu nguồn lực tài chính dài hạn và các điều kiện tài chính không phù hợp để cho vay xanh chính là những khó khăn, thách thức mà ngân hàng xanh thường gặp phải (Ngô Anh Phương, 2021). Nguồn lực tài chính của ngân hàng chính là khả năng huy động và sử dụng các nguồn lực trong xã hội để thực hiện hoạt động kinh doanh và tác động tới quá trình phát triển ngân hàng xanh.

H₇: Nguồn lực tài chính của ngân hàng tác động tích cực tới phát triển ngân hàng xanh.

HÌNH 1. Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Nghiên cứu đề xuất.

Mô hình hồi quy được xác định như sau:

$$PT(Y) = \beta_0 + \beta_1 * CS + \beta_2 * ĐK + \beta_3 * QT + \beta_4 * VM + \beta_5 * LĐ + \beta_6 * NV + \beta_7 * NL$$

Trong đó:

- PT (Biến phụ thuộc): phát triển ngân hàng xanh

- Các biến độc lập (X_i): chính sách của Nhà nước (CS); điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (ĐK); sự quan tâm đến môi trường (QT); nền kinh tế vĩ mô (VM); nhận thức của lãnh đạo (LĐ); nhận thức và trình độ của nhân viên (NV); nguồn lực tài chính

của ngân hàng (NL).

- β_k : Hệ số hồi quy ($k = 0, 1, 2, \dots, 7$).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Xây dựng thang đo

Thang đo được kế thừa và phát triển từ các nghiên cứu của Ngô Anh Phương (2021), Nisha (2016). Để đảm bảo giá trị nội dung của thang đo, nghiên cứu định tính đã được sử dụng thông qua thảo luận với mười chuyên gia tại một số ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Kết quả thảo luận với các chuyên gia đều cho rằng thang đo phù hợp với nghiên cứu.

Phiếu khảo sát được thiết kế gồm hai phần:

Phần A: nhằm thu thập thông tin chung của các đối tượng được khảo sát, phục vụ cho công tác thống kê mô tả. Thang đo định danh được sử dụng nhằm mô tả đặc điểm giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, thu nhập và chức vụ.

Phần B: bảng câu hỏi được thu thập nhằm thu thập ý kiến của đối tượng được khảo sát về mức độ tác động của các yếu tố đến phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Thang đo quãng Likert năm mức độ được sử dụng để đánh giá mức độ đồng ý của đối tượng nghiên cứu (1-Hoàn toàn không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Bình thường; 4-Đồng ý; 5-Hoàn toàn đồng ý).

BẢNG 1: Thang đo các yếu tố trong mô hình nghiên cứu

Mã hóa	Nội dung các thang đo	Nguồn
Chính sách của Nhà Nước		
CS1	Xây dựng khung pháp lý cho phát triển ngân hàng xanh	Ngô Anh Phương (2021), nhóm tác giả
CS2	Đưa ra các văn bản hướng dẫn về phát triển ngân hàng xanh	
CS3	Đưa ra các chính sách hỗ trợ về phát triển ngân hàng xanh	
CS4	Phát triển ngân hàng xanh được đưa vào chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh	
CS5	Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với ngân hàng có các hoạt động cấp tín dụng liên quan tới tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường	
CS6	Các chính sách khuyến khích của Nhà nước đối với ngân hàng đưa ra các sản phẩm, dịch vụ xanh hóa	
CS7	Tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn để tăng cường năng lực nhận thức cho ngân hàng về tài chính, tín dụng xanh	
CS8	Các chính sách hỗ trợ cho ngân hàng khi thẩm định, đánh giá các chương trình và dự án xanh	
Điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật		
ĐK1	Đầu tư xây dựng trụ sở và các phòng giao dịch xanh sử dụng nguồn năng lượng tái tạo	Nhóm tác giả
ĐK2	Đầu tư, sử dụng trang thiết bị máy móc bằng vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm điện năng	
ĐK3	Áp dụng khoa học, công nghệ, kĩ thuật mới để giảm thiểu việc tạo ra cacbon	

Các yếu tố ảnh hưởng đến...

ĐK4	Tạo ra không gian xanh giúp giảm thiểu chi phí	
ĐK5	Chú trọng trong việc tái sử dụng các nguyên liệu có sẵn	
ĐK6	Sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu trong hoạt động ngân hàng	
Sự quan tâm đến môi trường		
QT1	Ngân hàng luôn quan tâm tới các vấn đề về môi trường	Nisha (2016), nhóm tác giả
QT2	Ngân hàng có sự chú trọng tới các dự án bảo vệ tài nguyên môi trường	
QT3	Ngân hàng luôn khuyến khích các doanh nghiệp vay vốn áp dụng các công nghệ xanh vào hoạt động sản xuất, kinh doanh	
QT4	Ngân hàng tích cực đầu tư vào các dự án nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường	
QT5	Ngân hàng luôn mong muốn cấp vốn cho các doanh nghiệp có sự phát triển bền vững và trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng	
QT6	Ngân hàng luôn có những sản phẩm, dịch vụ phù hợp với các doanh nghiệp có xu hướng phát triển xanh	
Nền kinh tế vĩ mô		
VM1	Mức độ hội nhập vào nền kinh tế thế giới	Ngô Anh Phương (2021), nhóm tác giả
VM2	Mức độ tăng trưởng của GDP	
VM3	Mức độ ổn định giá cả hàng hóa	
VM4	Mức độ thất nghiệp giảm	
VM5	Mức độ phát triển của khoa học, công nghệ	
VM6	Mức độ ổn định của chính trị, pháp luật	
Nhận thức của lãnh đạo		
LĐ1	Lãnh đạo ngân hàng luôn có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội	Ngô Anh Phương (2021), nhóm tác giả
LĐ2	Lãnh đạo luôn tạo điều kiện, ủng hộ các dự án hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường	
LĐ3	Lãnh đạo luôn mong muốn tạo ra các sản phẩm, dịch vụ xanh	
LĐ4	Lãnh đạo ngân hàng xây dựng định hướng phát triển ngân hàng kết hợp với bảo vệ môi trường	
LĐ5	Lãnh đạo thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo bổ sung các kiến thức, sự hiểu biết cho nhân viên về ngân hàng xanh	
Nhận thức và trình độ của nhân viên		
NV1	Nhân viên nắm rõ được trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với môi trường và sự phát triển ngân hàng xanh	Ngô Anh Phương (2021), nhóm tác giả
NV2	Nhân viên được trang bị đầy đủ kỹ năng, kiến thức về tín dụng xanh	
NV3	Nhân viên có ý thức sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường	

Các yếu tố ảnh hưởng đến...

NV4	Nhân viên có khả năng sử dụng khoa học, công nghệ xanh để áp dụng vào công việc	
NV5	Nhân viên có khả năng, trình độ hiểu biết về quản lý môi trường	
Nguồn lực tài chính của ngân hàng		
NL1	Quy mô và tốc độ tăng tổng tài sản	Ngô Anh Phuong (2021), nhóm tác giả
NL2	Vốn chủ sở hữu lớn	
NL3	Khả năng sinh lời	
NL4	Đảm bảo mức an toàn vốn	
NL5	Đảm bảo khả năng thanh khoản	
NL6	Chất lượng tổng tài sản và quản lý các hoạt động tài chính	
Phát triển ngân hàng xanh		
PT	Mức độ phát triển ngân hàng xanh	Nhóm tác giả

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

3.2. Cơ mẫu nghiên cứu

Tính đến cuối năm 2020, tổng số cán bộ nhân viên tại các ngân hàng thương mại là 272.158 người. Vì vậy, quy mô mẫu sẽ được tính theo công thức Slovin (1984, trích dẫn bởi Võ Thị Thanh Lộc, 2010, p.19) như sau:

$$n = N / (1 + e^2 * N) = 272.158 / (1 + 0,05^2 * 272.158) = 399$$

Trong đó: n: quy mô mẫu mong muốn;
N: quy mô tổng thể; e: sai số cho phép (chọn 0,05).

Để tránh trường hợp có phiếu khảo sát không hợp lệ, nhóm tác giả chọn phát ra 520 phiếu (tăng 30% so với công thức tính). Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng để tiến hành thu thập thông tin của cán bộ nhân viên tại các ngân hàng thương mại. Dữ liệu được thu thập từ tháng 4-2021 đến tháng 6-2021, thông qua hình thức gửi phiếu khảo sát trực tiếp và qua thư điện tử đến các ngân hàng thương mại tại năm thành phố lớn là: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ - đây là nơi tập trung nhiều trụ sở, phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại tại

Việt Nam. Nhóm tác giả chia đều mẫu điều tra cho các điểm nghiên cứu là 520 phiếu đối với năm thành phố, do đó 104 phiếu mỗi thành phố. Mẫu nghiên cứu được chia tỷ lệ bằng nhau giữa năm thành phố lựa chọn để thấy được sự đánh giá một cách khách quan, công bằng giữa các thành phố. Kết quả thu về 495 phiếu khảo sát hợp lệ.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê tần số các thông tin bao gồm: độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thu nhập và chức vụ. Trong 495 phiếu thu về, thống kê về độ tuổi có 41,3% nam và 58,7% nữ; độ tuổi tập trung từ 30 đến 50 tuổi chiếm 67,9%; trình độ học vấn chủ yếu là tốt nghiệp đại học chiếm 76,3%; thu nhập bình quân từ 7 triệu đồng đến 15 triệu đồng chiếm 56,3% và nhân viên chiếm 89,7%. Thuộc tính của mẫu khảo sát là phù hợp với thực tế tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, đối tượng làm việc chủ yếu là nữ giới đang ở độ tuổi làm việc, có trình độ học vấn cao và đạt được mức thu nhập cao hơn so với các ngành nghề khác.

3.3. Phân tích và xử lý số liệu

Sau khi mã hóa và sàng lọc, dữ liệu được phân tích như sau: đánh giá độ tin cậy của

thang đo thông qua hai công cụ là hệ số Cronbach's alpha và phân tích nhân tố. Hệ số Cronbach's alpha được sử dụng để loại các biến "rác", các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và thang đo sẽ được chọn khi hệ số Cronbach's alpha lớn hơn 0,6 (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Phân tích nhân tố khám phá xem xét các biến quan sát có hệ số truyền tải nhỏ hơn 0,5 và được trích vào hai nhân tố có sự chênh lệch nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Điểm dừng Eigenvalue (đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố) lớn hơn 1 và tổng phương sai trích lớn hơn 50%. Bên cạnh đó, kiểm định KMO (Kaiser - Mayer - Olkin) và Bartlett được sử dụng để đánh giá tính hợp lý của dữ liệu. Sử dụng kiểm định F trong bảng phân tích phương sai để kiểm định giả thuyết về độ

phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính tổng thể. Khi Sig. nhỏ hơn 0,05 thì mô hình hồi quy phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. Sử dụng hệ số VIF (Variance inflation factor) để kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến (VIF nhỏ hơn 10).

Kết quả đánh giá độ tin cậy thang đo của mô hình nghiên cứu cho thấy hệ số Cronbach's alpha thấp nhất là 0,753 và cao nhất là 0,862. So với chuẩn 0,6 thì tất cả các biến quan sát của thang đo đều đạt yêu cầu. Các hệ số tương quan biến - tổng đều có kết quả lớn hơn 0,3. Hệ số Cronbach's alpha nếu loại biến của tất cả 43 biến quan sát đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's alpha tổng nên không có biến nào bị loại. Tất cả các thang đo đều đạt được hai giá trị tin cậy và giá trị phân biệt. Do đó, thang đo được đánh giá là tốt và đủ điều kiện đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA.

BẢNG 2: Đánh giá độ tin cậy thang đo

Biến quan sát	Hệ số tương quan biến - tổng	Hệ số Cronbach's alpha
Chính sách của Nhà nước	0,735	0,862
Điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật	0,672	0,776
Sự quan tâm đến môi trường	0,723	0,843
Nền kinh tế vĩ mô	0,652	0,753
Nhận thức của lãnh đạo	0,712	0,804
Nhận thức và trình độ của nhân viên	0,693	0,791
Nguồn lực tài chính của ngân hàng	0,687	0,783
Phát triển ngân hàng xanh	0,729	0,854

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá các biến độc lập cho thấy hệ số KMO đạt 0,582 ($0,5 < KMO < 1$) và thống kê Chi-square của kiểm định Bartlett Test đạt giá trị 7639,386 với mức ý nghĩa 0,000. Tại mức giá trị Eigenvalue bằng 1,478, phân tích

nhân tố đã trích ra được bảy nhân tố với tổng phương sai trích đạt 76,581%. Bảy nhân tố này giải thích được 76,581% sự biến thiên của dữ liệu. Hệ số tải của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5, từ đó cho thấy phân tích nhân tố khám phá là phù hợp.

Các yếu tố ảnh hưởng đến...

BẢNG 3: Kết quả phân tích EFA các biến độc lập

Biến quan sát	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
VM1	0,898						
VM2	0,887						
VM3	0,881						
VM4	0,874						
VM5	0,862						
VM6	0,858						
ĐK6		0,834					
ĐK3		0,823					
ĐK5		0,812					
ĐK4		0,802					
ĐK1		0,789					
ĐK2		0,781					
QT2			0,829				
QT5			0,825				
QT1			0,810				
QT4			0,796				
QT3			0,736				
QT6			0,722				
CS1				0,827			
CS2				0,818			
CS5				0,809			
CS8				0,805			
CS3				0,794			
CS6				0,764			
CS4				0,757			
CS7				0,749			
LĐ2					0,879		
LĐ4					0,860		
LĐ5					0,851		
LĐ1					0,846		
LĐ3					0,839		

Các yếu tố ảnh hưởng đến...

NL1						0,885	
NL4						0,870	
NL5						0,856	
NL6						0,821	
NL2						0,789	
NL3						0,772	
NV4							0,788
NV2							0,779
NV1							0,754
NV3							0,737
NV5							0,728
Hệ số KMO = 0,582							
Kiểm định Bartlett's	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ					7.639,386	
	df					320	
	Sig.					0,000	
Tổng phương sai trích (%)						76,581%	

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả.

Kết quả phân tích nhân tố thang đo phát triển ngân hàng xanh có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5. Kiểm định KMO cho kết quả là 0,634 ($0,5 < KMO < 1$) và thống kê Chi-square của kiểm định Bartlett Test đạt giá trị 386,568 với mức ý nghĩa 0,000, hệ số Eigenvalue bằng 2,573, tổng phương sai trích được 81,659%.

BẢNG 4: Kết quả phân tích EFA biến phụ thuộc

Biến quan sát	Nhân tố	
	1	
PT	0,836	
Hệ số KMO = 0,634		
Kiểm định Bartlett's	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	386,568
	df	1
	Sig.	0,000
Tổng phương sai trích (%)		81,659%

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả.

4. Kết quả và thảo luận

Kết quả phân tích hệ số tương quan cho thấy các biến có tương quan với nhau, bảy biến độc lập đều có tương quan với biến phụ thuộc phát triển ngân hàng xanh. Trong

đó, tương quan mạnh nhất là biến CS (chính sách của Nhà nước 0,628), tương quan yếu nhất với biến NL (nguồn lực tài chính của ngân hàng là 0,341) và mối tương quan có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99% nên có thể

Các yếu tố ảnh hưởng đến...

kết luận các biến độc lập này đủ điều kiện đưa vào mô hình để giải thích cho biến phát triển ngân hàng xanh. Tóm lại, sau khi kiểm

định Pearson thì giữa các biến độc lập với nhau đều thỏa mãn điều kiện để đưa vào phân tích hồi quy.

BẢNG 5: Kết quả hệ số tương quan Pearson

Nhân tố	PT	VM	ĐK	QT	CS	LĐ	NL	NV
PT	1							
VM	0,523**	1						
ĐK	0,436**	0,478**	1					
QT	0,579**	0,497**	0,470**	1				
CS	0,628**	0,416**	0,551**	0,587**	1			
LĐ	0,542**	0,529**	0,473**	0,573**	0,583**	1		
NL	0,341**	0,521**	0,449**	0,536**	0,545**	0,565**	1	
NV	0,536**	0,489**	0,441**	0,512**	0,483**	0,501**	0,490**	1

** . Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01.

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả.

Để xác định đo lường ảnh hưởng của các yếu tố đến sự phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, nghiên cứu thực hiện phương pháp phân tích hồi quy bảy nhân tố độc lập: (1) chính sách của Nhà nước; (2) điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật; (3) sự quan tâm đến môi trường; (4) nền kinh tế vĩ mô; (5) nhận thức của lãnh đạo; (6) nhận thức và trình độ của nhân viên; (7) nguồn lực tài chính của

ngân hàng và biến phụ thuộc là phát triển ngân hàng xanh bằng phương pháp Enter. Kết quả phân tích cho thấy mô hình nghiên cứu phù hợp với mức ý nghĩa Sig. nhỏ hơn 0,05. Hệ số R^2 bằng 0,573 và hệ số R^2 hiệu chỉnh bằng 0,551 cho thấy rằng, 55,1% giá trị biến thiên được giải thích bởi bảy nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.

BẢNG 6: Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình nghiên cứu

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R^2	Hệ số R^2 – hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	0,704 ^a	0,573	0,551	0,33646	0,961

a. Dự đoán: (Hàng số), VM, ĐK, QT, CS, LĐ, NL, NV

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả.

Kết quả phân tích ANOVA và kiểm định F cho thấy trị số thống kê được tính từ R^2 có giá trị Sig. = 0,000 và tổng bình phương hồi quy (61,142) lớn hơn tổng bình phương phần dư (34,921) cho thấy mô hình giải thích hầu hết các phương sai của biến phụ

thuộc. Điều này chứng tỏ mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu nghiên cứu. Như vậy, cả bảy biến độc lập đều có quan hệ với biến phụ thuộc và mô hình hồi quy tuyến tính là phù hợp và có thể sử dụng được cho nghiên cứu.

Các yếu tố ảnh hưởng đến...

BẢNG 7: Kiểm định ANOVA của mô hình nghiên cứu

Mô hình		Tổng bình phương	Hệ số df	Trung bình bình phương	Hệ số F	Hệ số Sig.
1	Hồi quy	61,142	7	11,857	104,492	0,000 ^b
	Phần dư	34,921	488	0,113		
	Tổng	110,063	495			

b. Dự đoán: (Hằng số), VM, ĐK, QT, CS, LD, NL, NV

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả.

BẢNG 8: Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Hệ số t	Hệ số Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		Hệ số Beta	Độ lệch chuẩn	Hệ số Beta			Dung sai điều chỉnh	VIF
1	(Hằng số)	0,414	0,129		3,199	0,002		
	VM	0,069	0,027	0,289	2,534	0,012	0,693	1,442
	ĐK	0,100	0,028	0,223	9,596	0,000	0,604	1,420
	QT	0,163	0,028	0,336	5,912	0,000	0,723	1,382
	CS	0,169	0,030	0,359	5,671	0,000	0,722	1,385
	LD	0,275	0,030	0,321	3,280	0,000	0,790	1,449
	NL	0,105	0,027	0,194	2,811	0,005	0,677	1,447
	NV	0,253	0,024	0,318	3,148	0,000	0,656	1,424

a. Biến phụ thuộc: PT

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả.

Mô hình hồi quy phản ánh tác động của các yếu tố đến phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam theo hệ số Beta chuẩn hóa như sau:

$$PT = 0,289*VM + 0,223*ĐK + 0,336*QT + 0,359*CS + 0,321*LD + 0,194*NL + 0,318*NV$$

Trong đó, PT là phát triển ngân hàng xanh, VM là nền kinh tế vĩ mô, ĐK là điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, QT là sự quan tâm đến môi trường, CS là chính sách của Nhà nước, LD là nhận thức của lãnh đạo, NL là nguồn lực tài chính của ngân hàng, NV là nhận thức và trình độ của nhân viên.

Phương trình hồi quy cho thấy, chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng mạnh nhất đến việc phát triển ngân hàng xanh; tiếp đến là sự quan tâm tới môi trường; thứ ba là nhận thức của lãnh đạo; nhận thức và trình độ của nhân viên; nền kinh tế vĩ mô; điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và cuối cùng là nguồn lực tài chính của ngân hàng.

Như vậy, kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy bảy yếu tố đều có tác động tích cực đến phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Theo đó, chính sách của Nhà nước là yếu tố tác động mạnh nhất đến sự phát triển ngân hàng xanh. Kết quả nghiên

cứu này có sự tương đồng với nghiên cứu của Hoen (2014). Sự can thiệp của Chính phủ là bắt buộc đối với các nước đang phát triển, trong khi các nước phát triển thường có các biện pháp và chính sách phù hợp trong việc quản lý các vấn đề môi trường để có hiệu quả trong hoạt động và giao cho các tổ chức công trong việc điều hành chính sách. Sự quan tâm đến môi trường có tác động nhất định đến sự phát triển ngân hàng xanh. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế tại Việt Nam, do Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều thiên tai, gây ra tổn thất lớn cho môi trường, đồng thời, vấn đề ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng, nên sự quan tâm đến môi trường là yếu tố tích cực hỗ trợ phát triển ngân hàng xanh hướng tới việc chăm sóc tốt hơn cho môi trường và giúp giải quyết các lỗ hổng về môi trường. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nisha (2016).

Ngoài ra, nhận thức của lãnh đạo và trình độ của nhân viên về ngân hàng xanh cũng có vai trò quan trọng trong phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Hiện nay, các lãnh đạo của các ngân hàng thương mại đã coi trọng nhiều mục tiêu phát triển xanh, xây dựng các chiến lược dành riêng cho đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực xanh. Trên thực tế, kiến thức của nhân viên về ngân hàng xanh đã được cải thiện đáng kể trong thời gian qua, giúp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng xanh. Do đó, kết quả nghiên cứu hoàn toàn ủng hộ quan điểm của Masukujjaman (2016) và Sharma và cộng sự (2014). Các yếu tố nền kinh tế vĩ mô, điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính của ngân hàng cũng là một trong các yếu tố tác động của phát triển ngân hàng xanh.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu đưa ra một số kết quả nhất định về ảnh hưởng của các yếu tố đến phát

triển ngân hàng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Phân tích dữ liệu từ 495 cán bộ nhân viên có thể kết luận rằng, bảy yếu tố có tác động tích cực đến phát triển ngân hàng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Kết quả quan trọng nhất của nghiên cứu này là phát hiện về thực tế triển khai ngân hàng xanh tại các ngân hàng thương mại và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến phát triển ngân hàng xanh.

Chính sách của Nhà nước có vai trò quan trọng đối với các ngân hàng thương mại. Do đó, cần hoàn thiện khung khổ pháp lý, có những chính sách ưu đãi, cơ chế hỗ trợ khuyến khích, tạo động lực cho các ngân hàng thương mại phát triển ngân hàng xanh.

Các ngân hàng thương mại cần tập trung sự quan tâm đến môi trường thông qua việc đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ xanh, áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao trong hoạt động ngân hàng, xây dựng chủ sở xanh và hạn chế mở rộng thêm chi nhánh mới.

Nhân tố con người đóng một vai trò trong việc thực hiện ngân hàng xanh. Nếu mỗi lãnh đạo và nhân viên có kiến thức về ngân hàng xanh, họ sẽ nâng cao nhận thức về ngân hàng xanh và nỗ lực đồng bộ trong việc định hướng doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững và thân thiện với môi trường. Do đó, cần chú trọng nâng cao nhận thức của lãnh đạo và nhân viên thông qua các lớp đào tạo ngắn hạn về ngân hàng xanh, thẩm định các dự án đầu tư xanh.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Afshan S. and Sharif A. (2016), 'Resistance to adopt mobile banking in a developing country: evidence from modified TAM', *Journal of Finance & Economic Research*, 1 (1), pp. 24-41.
2. Barner J. & Han T. (2013), *Exploring green finance incentive in China*, Final Report,

- PwC [Online], <https://www.pwccn.com/en/migration/pdf/green-finance-incentives-oct2013-eng.pdf>, truy cập ngày 22-7-2021.
3. Drobnjakovic M. (2013), 'Green banking', *Journal of Economic Development, Environment and People*, 2 (2), pp. 29-39.
 4. Eyraud L., Clements B. and Wane A. (2013), 'Green investment: trends and determinants', *Energy Policy*, 60, pp. 852-865.
 5. Gomez J. M. and Scholtz B. (2016) 'Information technology in environmental engineering', *Proceedings of the 7th International Conference on Information Technologies in Environmental Engineering*, pp. 29-30.
 6. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
 7. Hoen H.V. (2014), 'Globalization and institutional change: are emerging market economies in Europe and Asia converging?', *Economics, Management and Financial Markets*, 9 (4), pp. 44-66.
 8. Kaeufer K. (2010), 'Banking as a vehicle for socio-economic development and change: case studies of socially responsible and green banks', *Presencing Institute, Cambridge, MA*, pp. 1-6.
 9. Lalor R.M. (2015), 'Green banking: going green', *International Journal of Economics, Finance and Management Sciences*, 3(1), pp. 34-42.
 10. Masukujjaman M. (2016), 'Bankers' perception of green banking: learning from the experience of Islamic banks in Bangladesh', *Malaysian Journal of Society and Space*, 12 (2), pp. 144-153.
 11. Mehedi S. and Kuddus A. (2017), 'Green banking: A case study on Dutch-Bangla Bank Ltd', *Academy of Accounting and Financial Studies Journal*, 21 (2), pp. 1-20.
 12. Ngô Anh Phương (2021), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngân hàng xanh ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế.
 13. Nisha N. (2016), 'Green investments and returns: a developing country perspective', in Mieila M. (Editors), *Measuring sustainable development and green investments in contemporary economies*, IGI Global Publisher, pp. 1-21, United State of America.
 14. Sharma M., Sarika M. and Gopal D. (2014), 'A study on customer's awareness on green banking initiatives in selected public and private sector banks with special reference to Mumbai', *Journal of Economics and Finance*, 1 (1), pp. 28-35.
 15. Uddin M.N. and Ahmmed M. (2018), 'Islamic banking and green banking for sustainable development: evidence from Bangladesh', *Journal of Islamic Economics*, 10 (1), pp. 97-114.
 16. Võ Thị Thanh Lộc (2010), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế-xã hội)*, Nxb. Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
 17. Vũ Xuân Nguyệt Hồng (2013), 'Tài chính và ngân hàng xanh: công cụ để hỗ trợ tăng trưởng xanh', tham luận trình bày tại Hội thảo khoa học *Tài chính xanh và Ngân hàng xanh*, Hà Nội, 25-6-2013.
 18. Zhou T. (2011), 'The effect of initial trust on user adoption of mobile payment', *Information Development*, 27 (4), pp. 290-300.

Ngày nhận bài : 22-7-2021
Ngày nhận bản sửa : 29-7-2021
Ngày duyệt đăng : 30-7-2021